

Số: /QĐ-UBND Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 106/TTr-SNNMT ngày 11 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính mới ban hành; 73 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 09 thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, BTCD, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẮT BỎ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyền Quang)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
*	Lĩnh vực: Địa chất và Khoáng sản					
1	1.014786	Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia	- Miễn phí khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đối với thông tin cơ bản được công bố công khai trên Cổng thông tin địa chất và khoáng sản quốc gia. - Trừ trường hợp nêu trên, tổ chức, các nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại	- Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).	Điều 2, Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 11/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
2	1.014787	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	22 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 100a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	1.014788	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp	26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung	Không quy định	- Điều 59a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		giấy phép khai thác khoáng sản	của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu khai thác khoáng sản.	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	1.014789	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Điều 45 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
*	Lĩnh vực: Thủy lợi					
5	1.014847	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không quy định	- Điều 13, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc ban hành mới TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).		
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
	Lĩnh vực: Thủy lợi					
6	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 14, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (54 TTHC)					
*	Lĩnh vực: Địa chất và Khoáng sản					
1	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						ng nghiệp và Môi trường.
2	1.014261	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	10 ngày làm việc và 70 ngày	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức	- Điều 36, 42, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.	
3	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	34 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	Điều 38, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	- Điều 37, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	- Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản: 14 ngày làm việc - Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 26 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 39, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung	Không quy định	- Điều 41, 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	1.014271	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	26 Ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của	- Điều 40, 44, 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	24 Ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp 1: 10 ngày làm việc và 60 ngày; - Trường hợp 2: 10 ngày làm việc và 45 ngày; - Trường hợp 3: 22 ngày làm việc; - Trường hợp 4: 12 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy	- Điều 61, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	phép hoạt động khoáng sản	- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp 1: 10 ngày làm việc và 60 ngày; - Trường hợp 1: 10 ngày làm việc và 45 ngày;	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công	Không quy định	- Điều 61, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp 1: 34 ngày làm việc. - Trường hợp 2: 18 ngày làm việc. - Trường hợp 3: 10 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	- Điều 62, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).		số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp 1: 34 ngày làm việc. - Trường hợp 2: 17 ngày làm việc. - Trường hợp 3: 29 ngày làm việc. - Trường hợp 4: 18 ngày làm việc. - Trường hợp 5: 10 ngày làm việc. - Trường hợp 6: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 64, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp 1: 34 ngày làm việc. - Trường hợp 2: 25 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 65, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						ng nghiệp và Môi trường.
14	1.014270	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	34 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Công Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TTBTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	- Điều 66, 67, 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	- Trường hợp 1: 17 ngày làm việc. - Trường hợp 2: 34 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Mức thu lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	- Điều 61, 67 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	- Trường hợp 1: 12 ngày làm việc và 45 ngày. - Trường hợp 2: 34 ngày làm việc. - Trường hợp 3: 11 ngày làm việc và 31 ngày.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	- Điều 54a Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
17	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	13 ngày làm việc và 50 ngày.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung	Không quy định	- Điều 103 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
18	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	10 ngày làm việc và 50 ngày.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Điều 104 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	26 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Điều 105 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
20	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	- Trường hợp 1: 10 ngày làm việc và 40 ngày. - Trường hợp 2: 29 ngày làm việc.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
21	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	- Đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản; chuyển	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công	Không quy định	- Điều 131 và 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			nhượng quyền khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực; giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực nhưng không phải đóng cửa mỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán. - Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng	quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản: trước ngày 31/12/2026			
22	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	Điều 34 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						ng nghiệp và Môi trường.
23	1.014292	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	39 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
24	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	26 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Điều 79 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
25	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác	16 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC	- Điều 80 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		tận thu khoáng sản		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
26	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Điều 81 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm: 16 ngày làm việc; - Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân: 09 ngày làm việc	chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
27	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	16 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Điều 82 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
28	1.014283	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	16 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, mức thu lệ phí cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản khi chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản là	- Điều 83 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Công Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	2.500.000 đồng/01 giấy phép	ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
29	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: 44 ngày làm việc. - Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Công	Không quy định	- Điều 96, 97, 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc. Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt	Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			buộc phải khai đào, bóc xúc mới thi công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15: 11 ngày làm việc.			
30	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không	09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm	Không quy định	- Điều 6 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		đầu giá quyền khai thác khoáng sản	tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
31	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	10 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Điều 7 Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026. - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
32	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	- Trường hợp giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giao nộp hợp lệ. - Trường hợp giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ mẫu vật hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 5 và 6 Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						ngành và Môi trường.
*	Lĩnh vực: Môi trường					
33	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Tối đa là 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; - Tối đa là 35 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 21.000.000đ/1 hồ sơ	- - Điều 6,7,8 và 9 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; - Điều 4 và Phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT; - Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 418/QĐ-

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			4 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường; - Tối đa là 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng hình thức lấy ý kiến.			BNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
34	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐCP)	Kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: - Thời hạn thẩm định hồ sơ: tối đa 20 ngày - Thời hạn phê duyệt hồ sơ: tối đa 10 ngày	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường: 21.000.000đ/hồ sơ	- Điều 14 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; - Phần Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2026/TTBNNMT; - Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
35	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Đối với các trường hợp còn lại: tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường: - Trường hợp không phải lấy mẫu, phân tích chất thải: 18.000.000đ/hồ sơ. - Trường hợp chỉ lấy mẫu, phân tích nước thải: 35.000.000đ/hồ sơ. - Trường hợp chỉ lấy mẫu, phân tích khí	- Thông tư số 09/2026/TTBNNMT T (Điều 9, Điều 10, Điều 12); - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP (Điều 36); - Thông tư số 09/2026/TTBNNMT T (Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12); - Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).	thải: 40.000.000đ/hồ sơ. - Trường hợp lấy mẫu, phân tích cả nước thải và khí thải: 57.000.000đ/hồ sơ	10/12/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
36	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí thẩm định điều chỉnh giấy phép môi trường: 3.000.000đ/hồ sơ	- - Thông tư số 09/2026/TTBNNMT (Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12); - Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		HĐND tỉnh Tuyên Quang; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
37	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - Đối với các trường hợp còn lại: tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến	Phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường: - Trường hợp không phải lấy mẫu, phân tích chất thải: 18.000.000đ/hồ sơ. - Trường hợp chỉ lấy mẫu, phân tích nước thải: 35.000.000đ/hồ sơ.	- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP (Điều 36). - Thông tư số 09/2026/TTBNNMT (Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12); - Nghị Quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	một phần: Công Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	- Trường hợp chỉ lấy mẫu, phân tích khí thải: 40.000.000đ/hồ sơ. - Trường hợp lấy mẫu, phân tích cả nước thải và khí thải: 57.000.000đ/hồ sơ	10/12/2025 của HĐND tỉnh Tuyên Quang. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
*	Lĩnh vực: Thủy lợi					
38	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Khoản 1, 2, 8 Điều 15, Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
39	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công	Không quy định	- Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				quốc gia (dichvucong.gov.vn).		BNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
40	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Công Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 1, 2, 8 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
41	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 7, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
42	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung	Không quy định	- Khoản 7, Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; khoản 1

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
43	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Khoản 1, 4 Điều 26 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
44	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trù xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 5, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						ng nghiệp và Môi trường
45	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 3, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 1 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
46	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ	Không quy định	- Khoản 6, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 1 Điều 22;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
47	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Khoản 4. Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 24, Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh		- Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
48	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 4, 6 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 19; Khoản 1 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		tịch UBND cấp tỉnh				nghiệp và Môi trường.
49	1.003867	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Điều 7; Khoản 2 Điều 9, Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ NNMT; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
50	2.001804	Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm	Không quy định	- Điều 22, Điều 23 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		UBND cấp tỉnh phê duyệt		Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		26/01/2026 của Bộ NNMT; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
51	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng	Không quy định	- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		BNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
52	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
53	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
54	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		của UBND cấp tỉnh		chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		ngày 04/9/2018 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (19 TTHC)					
*	Lĩnh vực: Địa chất và Khoáng sản					
55	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			khoáng sản: 44 ngày làm việc. - Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc	- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Thông tư số 36/2025/TTBNNM T ngày 02/7/2025. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
56	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)	- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Thông tư số 38/2025/TTBNNM T ngày 02/7/2025. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
*	Lĩnh vực: Thủy lợi					
57	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Khoản 1, 2, 8 Điều 15, Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
58	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						ngành và Môi trường.
59	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 1, 2, 8 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
60	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung	Không quy định	- Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
61	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Khoản 6, 7 Điều 15; Điểm b khoản 1 Điều 19; Điều 23; khoản 2 Điều 24; Điều 25, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		- Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
62	1.014854	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 1, 3, 4 Điều 26, Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
63	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 5, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 2 Điều 22, Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
64	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Khoản 3, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026;

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
65	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không quy định	- Khoản 6, Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 19; Điều 20; Khoản 2 Điều 22; Điều 23 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).		ng nghiệp và Môi trường.
66	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 4. Điều 15; Khoản 2, Điều 24; Điều 25 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
67	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm	Không quy định	- Khoản 4, 6 Điều 15; Khoản 2 Điều 24; Điều 25 Nghị định số

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
68	1.014865	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng	Không quy định	- Điều 7, Điều 9 Thông tư số 08/2026/TTBNNMT ngày 26/01/2026; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		nghiệp và Môi trường.
69	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Nghị định 114/2018/NĐCP ngày 04/09/2018. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
70	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Nghị định 114/2018/NĐCP ngày 04/09/2018. - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
71	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm	Không quy định	- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/05/2018; - Những bộ phận tạo thành còn lại của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện).		Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).		TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
72	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia	Không quy định	- Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
				(dichvucong.gov.vn).		
73	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Khoản 3, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
*	Lĩnh vực: Địa chất và Khoáng sản		
1	1.014285	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Điều 89 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
2	1.014286	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Điều 90 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
3	1.014287	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Điều 91 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
4	1.014288	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Điều 92 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
5	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
*	Lĩnh vực: Môi trường		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
6	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15; - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.
*	Lĩnh vực: Thủy lợi		
7	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Khoản 2; điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.
8	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025; - Điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
	Lĩnh vực: Thủy lợi		
9	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Điểm b, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.